

BỘ Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **4128** /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày **30** tháng **9** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành tạm thời bổ sung danh mục kỹ thuật áp dụng trong hội chẩn, tư vấn khám, chữa bệnh từ xa

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Thông tư 49/2017/TT-BYT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về hoạt động y tế từ xa;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bổ sung danh mục kỹ thuật áp dụng trong hội chẩn, tư vấn khám, chữa bệnh từ xa.

Điều 2. Danh mục kỹ thuật ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng tạm thời tại tất cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đăng ký thực hiện hội chẩn, tư vấn khám, chữa bệnh từ xa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Điều 4. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, Chánh Thanh tra Bộ, Cục trưởng và Vụ trưởng các Cục, Vụ thuộc Bộ Y tế, Giám đốc các bệnh viện, viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng Y tế các Bộ, Ngành và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Q. Bộ trưởng Bộ Y tế (để b/c);
- Các Thủ trưởng BHYT;
- Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (để phối hợp);
- Công thông tin điện tử BHYT;
- Website Cục QLKCB;
- Lưu VT, KCB.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Trường Sơn

Bổ sung danh mục kỹ thuật áp dụng trong hội chẩn, tư vấn khám, chữa bệnh từ xa

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4128 QĐ-BYT ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

1. Tổng hợp danh mục kỹ thuật khám chữa bệnh từ xa

Số TT	CHUYÊN KHOA/ CHUYÊN NGÀNH	BỆNH VIỆN ĐỀ XUẤT	Số lượng DMKT
7	Nội tiết	BV Nội tiết TW	99
13	Phụ sản	BV Phụ sản TW	249
14	Mắt	BV Mắt TW	248
	Tổng số kỹ thuật		596

2. Chuyên khoa Nội tiết

STT	STT Theo thông tư 43, 21	Tên Kỹ Thuật
		Kỹ thuật chung
1.	7	Cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân
2.	8	Cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân
3.	9	Cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân
4.	10	Cắt 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân
5.	11	Cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân
6.	12	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân
7.	13	Cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc
8.	14	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc
9.	15	Cắt gần toàn bộ tuyến giáp trong Basedow
10.	16	Cắt 1 thủy tuyến giáp và cắt bán phần thùy còn lại trong Basedow

11.	17	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong Basedow
12.	18	Cắt 1 thùy tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp
13.	19	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp
14.	20	Cắt 1 thùy tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp
15.	21	Cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp
16.	22	Cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 2 bên trong ung thư tuyến giáp
17.	24	Cắt 1 thùy tuyến giáp lấy bướu thòng trong bướu giáp thòng
18.	25	Cắt 1 thùy tuyến giáp lấy bướu thòng và cắt bán phần thùy còn lại trong bướu giáp thòng
19.	26	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thòng
20.	27	Cắt 1 thùy tuyến giáp trong bướu giáp không lồ
21.	28	Cắt 1 thùy tuyến giáp và cắt bán phần thùy còn lại trong bướu giáp không lồ
22.	29	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp không lồ
23.	30	Phẫu thuật cầm máu lại sau mổ tuyến giáp
24.	31	Cắt tuyến cận giáp trong cường tuyến cận giáp nguyên phát do quá sản tuyến hoặc u tuyến hoặc ung thư tuyến cận giáp
25.	32	Cắt tuyến cận giáp trong quá sản thứ phát sau suy thận mãn tính
26.	70	PTNS cắt bán phần 1 thùy tuyến giáp trong bướu giáp nhân bằng dao siêu âm
27.	71	PTNS cắt 1 thùy tuyến giáp trong bướu giáp nhân bằng dao siêu âm
28.	72	PTNS cắt bán phần 1 thùy tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân bằng dao siêu âm
29.	73	PTNS cắt 1 thùy tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân bằng dao siêu âm
30.	74	PTNS cắt bán phần 2 thùy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân bằng dao siêu âm
31.	76	PTNS cắt 1 thùy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc bằng

		dao siêu âm
32.	79	PTNS cắt 1 thùy tuyến giáp và cắt bán phần thùy còn lại trong Basedow bằng dao siêu âm
33.	93	PTNS cắt tuyến cận giáp trong cường tuyến cận giáp nguyên phát do quá sản tuyến hoặc u tuyến hoặc ung thư tuyến cận giáp bằng dao siêu âm
		CÁC KỸ THUẬT TRÊN NGƯỜI BỆNH ĐÁI THÁO ĐƯỜNG
34.	220	Tháo khớp ngón chân trên người bệnh đái tháo đường
35.	225	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường
36.	226	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét khu trú ở ngón chân trên người bệnh đái tháo đường
37.	227	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét rộng < ¼ bàn chân trên người bệnh đái tháo đường
38.	228	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét rộng < ½ bàn chân trên người bệnh đái tháo đường
39.	229	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét rộng lan tỏa cả bàn chân trên người bệnh đái tháo đường
40.	230	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng phần mềm trên người bệnh đái tháo đường
41.	231	Chích rạch, dẫn lưu ổ áp xe trên người bệnh đái tháo đường
42.	232	Tháo móng quặp trên người bệnh đái tháo đường
43.	233	Gọt chai chân (gọt nốt chai) trên người bệnh đái tháo đường
44.	234	Cắt móng chân, chăm sóc móng trên người bệnh đái tháo đường
45.	236	Các tiêu phẫu ở người bệnh ĐTD (kiểm soát đường huyết tốt)
46.	239	Hướng dẫn kỹ thuật tiêm Insulin
47.	240	Hướng dẫn tự chăm sóc bàn chân
48.	241	Tư vấn chế độ dinh dưỡng và tập luyện
		Các kỹ thuật khác
49.	242	Chọc hút dịch điều trị u nang giáp

50.	243	Chọc hút dịch điều trị u nang giáp có hướng dẫn của siêu âm
51.	244	Chọc hút lấy tế bào tuyến giáp
52.	245	Chọc hút lấy tế bào u giáp có hướng dẫn của siêu âm
53.	246	Áp tế bào tức thì trong phẫu thuật tuyến nội tiết
54.	247	Sinh thiết tức thì trong phẫu thuật tuyến nội tiết
55.		* Hỗ trợ điều trị vết loét bằng tia plasma lạnh
56.		* Điều trị hỗ trợ liền loét bằng tế bào gốc
57.		* Điều trị liền loét bằng huyết tương tươi giàu tiểu cầu tự thân đã hoạt hóa
58.		* Hỗ trợ điều trị vết loét bằng dịch chiết nguyên bào sợi
59.		* Hỗ trợ điều trị vết loét bằng máy hút áp lực âm (giảm áp vết loét) trên người bệnh đái tháo đường
60.		Làm khuôn tiếp xúc toàn bộ bằng thạch cao cho người bệnh đái tháo đường loét chân
61.		Đo áp lực bàn chân đái tháo đường
62.		Bó bột tiếp xúc điều trị loét gan bàn chân ở người bệnh đái tháo đường
63.		Khám bàn chân người bệnh đái tháo đường
64.		Cắt gân gấp ngón chân người bệnh đái tháo đường có biến chứng bàn chân
65.		* Tiêm thuốc trưởng thành phôi cho thai nhi của phụ nữ mang thai mắc đái tháo đường
66.		* Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống 2 mẫu có định lượng Insulin
67.		* Nghiệm pháp dung nạp Glucose đường uống 2 mẫu không định lượng Insulin
68.		* Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống 2 mẫu có định lượng C-peptide
69.		* Nghiệm pháp dung nạp Glucose đường uống (75g Glucose) 3 mẫu cho phụ nữ mang thai
70.		* Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống 3 mẫu có định lượng Insulin
71.		* Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống 3 mẫu không

		định lượng Insulin
72.		* Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống 3 mẫu có định lượng C-peptide
73.		* Theo dõi đường máu liên tục 6 - 14 ngày bằng cảm biến glucose
74.		* Nghiệm pháp hạ đường huyết bằng insulin
75.		* Nghiệm pháp kích thích bằng gonadotropins
76.		* Nghiệm pháp nhịn đói 72h
77.		* Nghiệm pháp kích thích Synacthen nhanh
78.		* Nghiệm pháp kích thích Synacthen chậm
79.		* Nghiệm pháp ức chế bằng Dexamethason liều thấp qua đêm
80.		* Nghiệm pháp ức chế bằng Dexamethason liều thấp trong 2 ngày
81.		* Nghiệm pháp ức chế bằng Dexamethason liều cao qua đêm
82.		* Nghiệm pháp ức chế bằng Dexamethason liều cao kéo dài
83.		* Nghiệm pháp nhịn nước
84.		Đo đường máu 24h có định lượng Insulin
85.		Đo đường máu 24h không định lượng Insulin
86.		Nghiệm pháp kích thích GH bằng gắng sức
87.		* Nghiệm pháp kích thích HCG 3 ngày
88.		Đo giãn mạch qua trung gian dòng chảy
89.		* Test thần kinh tự động đối giao cảm tim mạch nghiệm pháp hít thở sâu
90.		* Test thần kinh tự động đối giao cảm tim mạch nghiệm pháp đứng
91.		* Test đánh giá chức năng thần kinh tự động đối giao cảm tim mạch bằng nghiệm pháp valsalva
92.		* Test thần kinh tự động giao cảm tim mạch nghiệm pháp bóp tay
93.		* Test thần kinh tự động giao cảm tim mạch hạ huyết áp tư thế
94.		* Test truyền dung dịch NaCl đẳng trương khẳng định cường aldosteron nguyên phát
95.		Chụp CLVT tuyến giáp và/ hoặc phần mềm vùng cổ có tiêm

		thuốc cản quang
96.		Chụp CLVT tuyến giáp và/ hoặc vùng cổ không tiêm thuốc cản quang
97.		Chụp CLVT tuyến cận giáp có tiêm thuốc cản quang
98.		Chụp CLVT tuyến cận giáp không tiêm thuốc cản quang
99.		Siêu âm doppler màu mạch máu tuyến giáp

2. Chuyên khoa Phụ sản

STT	STT theo TT số 43, TT số 21	Tên kỹ thuật
		A. SẢN KHOA
1.	1	Phẫu thuật lấy thai và cắt tử cung trong rau cài răng lược
2.	2	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên
3.	3	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có sẹo mổ bụng cũ phức tạp
4.	4	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh mắc bệnh toàn thân (tim, thận, gan, huyết học, nội tiết...)
5.	5	Phẫu thuật lấy thai do bệnh lý sản khoa (rau tiền đạo, rau bong non, tiền sản giật, sản giật...)
6.	6	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có bệnh truyền nhiễm (viêm gan nặng, HIV-AIDS, H5N1, tiêu chảy cấp...)
7.	7	Phẫu thuật lấy thai lần đầu
8.	8	Phẫu thuật lấy thai có kèm các kỹ thuật cầm máu (thắt động mạch tử cung, mũi khâu B- lynch...)
9.	9	Phẫu thuật cắt tử cung tình trạng người bệnh nặng, viêm phúc mạc nặng, kèm vỡ tạng trong tiểu khung, vỡ tử cung phức tạp
10.	10	Phẫu thuật cắt tử cung và thắt động mạch hạ vị do chảy máu thứ phát sau phẫu thuật sản khoa
11.	11	Phẫu thuật thắt động mạch hạ vị trong cấp cứu sản phụ khoa

12.	12	Phẫu thuật thắt động mạch tử cung trong cấp cứu sản phụ khoa
13.	13	Phẫu thuật bảo tồn tử cung do vỡ tử cung
14.	14	Phẫu thuật tổn thương đường tiêu hoá do tai biến phẫu thuật sản phụ khoa
15.	15	Phẫu thuật tổn thương đường tiết niệu do tai biến phẫu thuật sản phụ khoa
16.	16	Phẫu thuật tổn thương mạch máu do tai biến phẫu thuật sản phụ khoa
17.	17	Phẫu thuật cắt lọc vết mổ, khâu lại tử cung sau mổ lấy thai
18.	18	Khâu tử cung do nạo thủng
19.	19	Giảm đau trong đẻ bằng phương pháp gây tê ngoài màng cứng
20.	20	Gây chuyển dạ bằng thuốc
21.	21	Nghiệm pháp lọt ngôi chỏm
22.	22	Đẻ chỉ huy bằng truyền oxytocin tĩnh mạch
23.	23	Theo dõi nhịp tim thai và cơn co tử cung bằng monitor sản khoa
24.	24	Đỡ đẻ ngôi ngược (*)
25.	25	Nội xoay thai
26.	26	Đỡ đẻ từ sinh đôi trở lên
27.	27	Forceps
28.	28	Giác hút
29.	29	Soi ối
30.	30	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo
31.	31	Thủ thuật cặp, kéo cổ tử cung xử trí băng huyết sau đẻ, sau sảy, sau nạo (*)
32.	32	Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn
33.	33	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm
34.	34	Cắt và khâu tầng sinh môn
35.	35	Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ đẻ

36.	36	Nghiệm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau
37.	37	Kiểm soát tử cung
38.	38	Bóc rau nhân tạo
39.	39	Kỹ thuật bấm ối
40.	40	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn
41.	41	Khám thai
42.	42	Nút mạch cầm máu trong sản khoa
43.	43	Sinh thiết gai rau
44.	44	Huỷ thai: cắt thai nhi trong ngôi ngang
45.	45	Huỷ thai: chọc óc, kẹp sọ, kéo thai
46.	46	Chọc ối điều trị đa ối
47.	47	Chọc ối làm xét nghiệm tế bào
48.	48	Nong cổ tử cung do bế sản dịch
49.	49	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sảy, sau đẻ
50.	50	Điều trị tắc tia sữa bằng máy hút
51.	51	Điều trị tắc tia sữa bằng sóng ngắn, hồng ngoại
52.	52	Khâu vòng cổ tử cung
53.	53	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung
54.	54	Chích áp xe tầng sinh môn
		Các kỹ thuật Hội đồng chuyên môn bệnh viện Phụ Sản Trung ương đề nghị bổ sung
55.		Thủ thuật đỡ đẻ trên người bệnh nhiễm khuẩn nặng, HPV, HIV, viêm gan nặng, ...
56.		Thủ thuật đặt bóng cổ tử cung gây chuyển dạ
57.		Thủ thuật đặt bóng buồng tử cung cầm máu sau đẻ
58.		Thủ thuật đặt bóng âm đạo cầm máu sau đẻ
59.		Thủ thuật đặt bóng ống cổ tử cung trong cầm máu chửa ống cổ tử cung
60.		Bơm dịch vào buồng tử cung điều trị thiếu ối
		B. PHỤ KHOA

61.	55	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn và vét hạch chậu
62.	56	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn và vét hạch chậu
63.	57	Phẫu thuật nội soi vét hạch tiểu khung
64.	58	Phẫu thuật nội soi cắt ung thư buồng trứng kèm cắt tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + mạc nối lớn
65.	59	Phẫu thuật cắt ung thư buồng trứng + tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + mạc nối lớn
66.	60	Phẫu thuật Second Look trong ung thư buồng trứng
67.	61	Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung
68.	62	Phẫu thuật Wertheim (cắt tử cung tận gốc + vét hạch)
69.	63	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn
70.	64	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung bán phần
71.	65	Phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung
72.	66	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo có sự hỗ trợ của nội soi
73.	67	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo
74.	68	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn
75.	69	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn cả khối
76.	70	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần
77.	71	Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung
78.	72	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ
79.	73	Phẫu thuật nội soi xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng
80.	74	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng
81.	75	Phẫu thuật khối viêm dính tiểu khung
82.	76	Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ
83.	77	Phẫu thuật nội soi bóc u lạc nội mạc tử cung
84.	78	Phẫu thuật nội soi treo buồng trứng
85.	79	Phẫu thuật nội soi cắt u nang hoặc cắt buồng trứng trên

		bệnh nhân có thai
86.	80	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng xoắn
87.	81	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng, nang cạnh vòi tử cung
88.	82	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng kèm triệt sản
89.	83	Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ
90.	84	Chọc nang buồng trứng đường âm đạo dưới siêu âm
91.	85	Phẫu thuật nội soi cắt góc tử cung
92.	86	Phẫu thuật mở bụng cắt góc tử cung
93.	87	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang
94.	88	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung vỡ
95.	89	Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán + tiêm MTX tại chỗ điều trị thai ngoài tử cung
96.	90	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung chưa vỡ
97.	91	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung vỡ có choáng
98.	92	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung không có choáng
99.	93	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang
100.	94	Phẫu thuật nội soi tạo hình vòi trứng, nối lại vòi trứng
101.	95	Phẫu thuật mở bụng tạo hình vòi trứng, nối lại vòi trứng
102.	96	Vi phẫu thuật tạo hình vòi trứng, nối lại vòi trứng
103.	97	Phẫu thuật nội soi điều trị vô sinh (soi buồng tử cung + nội soi ổ bụng)
104.	98	Phẫu thuật treo bàng quang và trực tràng sau mổ sa sinh dục
105.	99	Phẫu thuật nội soi sa sinh dục nữ
106.	100	Đặt mảnh ghép tổng hợp điều trị sa tạng vùng chậu
107.	101	Phẫu thuật Crossen
108.	102	Phẫu thuật Manchester
109.	103	Phẫu thuật Lefort
110.	104	Phẫu thuật Labhart
111.	105	Phẫu thuật treo tử cung

112.	106	Phẫu thuật tạo hình tử cung (Strassman, Jones)
113.	107	Phẫu thuật tạo hình âm đạo (nội soi kết hợp đường dưới)
114.	108	Phẫu thuật tạo hình âm đạo do dị dạng (đường dưới)
115.	109	Phẫu thuật cắt vách ngăn âm đạo, mở thông âm đạo
116.	110	Phẫu thuật cắt âm vật phì đại
117.	111	Phẫu thuật cắt tinh hoàn lạc chỗ
118.	112	Phẫu thuật làm lại tầng sinh môn và cơ vòng do rách phức tạp
119.	113	Mở bụng bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi bảo tồn tử cung
120.	114	Bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi di căn âm đạo
121.	115	Phẫu thuật bóc khối lạc nội mạc tử cung ở tầng sinh môn, thành bụng
122.	116	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn
123.	117	Cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã mổ cắt tử cung bán phần đường bụng
124.	118	Cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã mổ cắt tử cung bán phần đường âm đạo
125.	119	Cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã mổ cắt tử cung bán phần đường âm đạo kết hợp nội soi
126.	120	Đóng rò trực tràng - âm đạo hoặc rò tiết niệu - sinh dục
127.	121	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt nhân xơ tử cung dưới niêm mạc
128.	122	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt Polip buồng tử cung
129.	123	Phẫu thuật cắt polip buồng tử cung (đường bụng, đường âm đạo)
130.	124	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung tách dính buồng tử cung
131.	125	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn tử cung
132.	126	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung lấy dị vật buồng tử cung
133.	127	Nội soi buồng tử cung chẩn đoán
134.	128	Nội soi buồng tử cung can thiệp
135.	129	Nội soi buồng tử cung + sinh thiết buồng tử cung

136.	130	Nội soi buồng tử cung + nạo buồng tử cung
137.	131	Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán các bệnh lý phụ khoa
138.	132	Phẫu thuật mở bụng thăm dò, xử trí bệnh lý phụ khoa
139.	133	Phẫu thuật nội soi khâu lỗ thủng tử cung
140.	134	Phẫu thuật TOT điều trị són tiểu
141.	135	Phẫu thuật TVT điều trị són tiểu
142.	136	Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa
143.	137	Chọc hút dịch màng bụng, màng phổi do quá kích buồng trứng
144.	138	Tiêm hoá chất tại chỗ điều trị chừa ở cổ tử cung
145.	139	Tiêm nhân Chorio
146.	140	Khoét chóp cổ tử cung
147.	141	Cắt cụt cổ tử cung
148.	142	Thủ thuật LEEP (cắt cổ tử cung bằng vòng nhiệt điện)
149.	143	Phẫu thuật cắt polype cổ tử cung
150.	144	Thủ thuật xoắn polype cổ tử cung, âm đạo
151.	145	Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện, đốt nhiệt, đốt laser, áp lạnh ...
152.	146	Điều trị viêm dính tiểu khung bằng hồng ngoại, song ngắn
153.	147	Cắt u thành âm đạo
154.	148	Lấy dị vật âm đạo
155.	149	Khâu rách cùng đồ âm đạo
156.	150	Làm lại thành âm đạo, tầng sinh môn
157.	151	Chích áp xe tuyến Bartholin
158.	152	Bóc nang tuyến Bartholin
159.	153	Trích rạch màng trinh do ứ máu kinh
160.	154	Sinh thiết cổ tử cung, âm hộ, âm đạo
161.	155	Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ; âm đạo; tầng sinh môn
162.	156	Nong buồng tử cung đặt dụng cụ chống dính

163.	157	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết
164.	158	Nạo hút thai trứng
165.	159	Dẫn lưu cùng đồ Douglas
166.	160	Chọc dò túi cùng Douglas
167.	161	Chọc hút dịch do máu tụ sau mổ
168.	162	Chọc dẫn lưu dịch cổ chướng trong ung thư buồng trứng
169.	163	Chích áp xe vú
170.	164	Khám nam khoa
171.	165	Khám phụ khoa
172.	166	Soi cổ tử cung
173.	167	Làm thuốc âm đạo
174.	168	Cắt vú theo phương pháp Patey + vét hạch nách
175.	169	Phẫu thuật cắt khối u vú ác tính + vét hạch nách
176.	170	Cắt ung thư vú tiết kiệm da - tạo hình ngay
177.	171	Tái tạo tuyến vú sau cắt ung thư vú
178.	172	Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú
179.	173	Sinh thiết hạch gác (cửa) trong ung thư vú
180.	174	Cắt u vú lành tính
181.	175	Bóc nhân xơ vú
182.	176	Cắt âm hộ + vét hạch bẹn hai bên
183.	177	Cắt bỏ âm hộ đơn thuần
		Các kỹ thuật Hội đồng chuyên môn bệnh viện Phụ Sản Trung ương đề nghị bổ sung
184.		Chọc hút dịch nang tồn dư
		C. SƠ SINH
185.	178	Thay máu sơ sinh
186.	179	Khám mắt sơ sinh non tháng để tầm soát bệnh lý võng mạc
187.	180	Bơm Surfactant thay thế qua nội khí quản
188.	181	Nuôi dưỡng sơ sinh qua đường tĩnh mạch

189.	182	Laser điều trị bệnh lý võng mạc sơ sinh (ROP)
190.	183	Đặt ống thông tĩnh mạch trung tâm sơ sinh
191.	184	Chọc dò màng bụng sơ sinh
192.	185	Đặt ống thông tĩnh mạch rốn sơ sinh
193.	186	Đặt nội khí quản cấp cứu sơ sinh + thở máy
194.	187	Hô hấp áp lực dương liên tục (CPAP) không xâm nhập ở trẻ sơ sinh (thở CPAP qua mũi)
195.	188	Chọc dò tủy sống sơ sinh
196.	189	Điều trị vàng da ở trẻ sơ sinh bằng phương pháp chiếu đèn
197.	190	Truyền máu sơ sinh
198.	191	Chọc hút dịch, khí màng phổi sơ sinh
199.	192	Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi dưỡng) sơ sinh
200.	193	Rửa dạ dày sơ sinh
201.	194	Ép tim ngoài lồng ngực
202.	195	Dẫn lưu màng phổi sơ sinh
203.	196	Khám sơ sinh
204.	197	Chăm sóc rốn sơ sinh
205.	198	Tắm sơ sinh
206.	199	Đặt sonde hậu môn sơ sinh
207.	200	Bóp bóng Ambu, thổi ngạt sơ sinh
208.	201	Hồi sức sơ sinh ngạt sau sinh
209.	202	Cố định tạm thời gãy xương sơ sinh
		D. HỖ TRỢ SINH SẢN
210.	203	Hỗ trợ phôi nở
211.	204	Chọc hút noãn
212.	205	Chuyển phôi
213.	206	Nuôi cấy noãn chưa trưởng thành
214.	207	Nuôi cấy phôi
215.	208	Trữ lạnh phôi, noãn

216.	209	Rã đông phôi, noãn
217.	210	Trữ lạnh tinh trùng
218.	211	Rã đông tinh trùng
219.	212	Chọc hút tinh hoàn, mào tinh hoàn lấy tinh trùng
220.	213	Phẫu thuật lấy tinh trùng
221.	214	Tiêm tinh trùng vào bào tương của noãn (ICSI)
222.	215	Chuyển phôi, giao tử vào vòi tử cung (ZIFT, GIFT)
223.	216	Sinh thiết phôi chẩn đoán di truyền
224.	217	Sinh thiết tinh hoàn, mào tinh
225.	218	Giảm thiểu phôi
226.	219	Lọc rửa tinh trùng
227.	220	Bơm tinh trùng vào buồng tử cung (IUI)
		Các kỹ thuật Hội đồng chuyên môn bệnh viện Phụ Sản Trung ương đề nghị bổ sung
228.		Cấy tinh trùng vào noãn (IVF)
		D. KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH
229.	221	Phẫu thuật nội soi lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng
230.	222	Lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng qua đường rạch nhỏ
231.	223	Phẫu thuật nội soi triệt sản nữ
232.	224	Triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ
233.	225	Cấy - tháo thuốc tránh thai (loại nhiều nang)
234.	226	Cấy - tháo thuốc tránh thai (loại một nang)
235.	227	Triệt sản nam (bằng dao hoặc không bằng dao)
236.	228	Đặt và tháo dụng cụ tử cung
		E. PHÁ THAI
237.	229	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 9 tuần
238.	230	Phá thai to từ 13 tuần đến 22 tuần bằng phương pháp đặt túi nước
239.	231	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 8 tuần
240.	232	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai từ 13 tuần đến hết tuần

		22
241.	233	Phá thai bằng phương pháp nong và gắp từ tuần thứ 13 đến hết tuần thứ 18
242.	234	Phá thai bệnh lý (bệnh lý mẹ, bệnh lý thai)
243.	235	Phá thai người bệnh có sẹo mổ lấy thai cũ
244.	236	Hút thai có kiểm soát bằng nội soi
245.	237	Hút thai dưới siêu âm
246.	238	Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không
247.	239	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần
248.	240	Hút thai + Triệt sản qua đường rạch nhỏ
249.	241	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không

3. Chuyên khoa Mắt

SỐ TT	TT Theo 43	Tên kỹ thuật
1	1	Phẫu thuật mổ bong võng mạc trên mắt đục nhất, gấn mù
2	2	Phẫu thuật giảm áp hốc mắt (phá thành hốc mắt, mở rộng lỗ thị giác...)
3	3	Vá vỡ xương hốc mắt (thành dưới, thành trong có hoặc không dùng sụn sườn)
4	4	Phẫu thuật lấy thể thủy tinh (trong bao, ngoài bao, Phaco) có hoặc không đặt IOL trên mắt đục nhất
6	6	Phẫu thuật glôcôm lần hai trở lên
7	7	Phẫu thuật bong võng mạc tái phát
8	8	Phẫu thuật ghép giác mạc lần hai trở lên
10	10	Phẫu thuật glôcôm ác tính trên mắt đục nhất, gấn mù
13	13	Bơm dầu Silicon, khí bổ sung sau PT cắt DK điều trị BVM

15	15	Cắt dịch kính, bóc màng trước võng mạc
16	16	Cắt dịch kính, khí nội nhãn điều trị lỗ hoàng điểm
17	17	Cắt dịch kính + laser nội nhãn + lấy dị vật nội nhãn
20	20	Cắt dịch kính điều trị tổ chức hóa dịch kính
21	21	Cắt dịch kính điều trị tồn lưu dịch kính nguyên thủy
24	24	Tháo đai độn củng mạc
25	25	Điều trị glôcôm bằng laser móng mắt chu biên
26	26	Điều trị glôcôm bằng tạo hình móng mắt (Iridoplasty)
27	27	Điều trị glôcôm bằng tạo hình vùng bè (Trabeculoplasty)
28	28	Điều trị glôcôm bằng quang đông thể mi
29	29	Điều trị một số bệnh võng mạc bằng laser (bệnh võng mạc tiểu đường, cao huyết áp, trẻ đẻ non...)
30	30	Laser điều trị U nguyên bào võng mạc
31	31	Lạnh đông điều trị ung thư võng mạc
32	32	Mở bao sau đục bằng laser
35	35	Laser femtosecond điều trị tật khúc xạ
36	36	Laser femtosecond điều trị lão thị (PT: INTRACOR)
37	37	Bóc biểu mô giác mạc (xâm nhập dưới vạt) sau phẫu thuật Lasik
38	38	Điều trị sẹo giác mạc bằng laser
39	39	Phẫu thuật độn củng mạc bằng collagen điều trị cận thị
40	40	Rạch giác mạc điều chỉnh loạn thị
41	41	Lấy thể thủy tinh sa, lệch bằng phương pháp phaco, phối hợp cắt dịch kính có hoặc không đặt IOL
43	43	Cắt thể thủy tinh, dịch kính có hoặc không cố định IOL
44	44	Phẫu thuật lấy thể thủy tinh ngoài bao có hoặc không đặt IOL
45	45	Phẫu thuật thể thủy tinh bằng phaco và femtosecond có hoặc không đặt IOL
46	46	Phẫu thuật đặt thể thủy tinh nhân tạo (IOL) thì 2 (không cắt dịch kính)

47	47	Phẫu thuật chỉnh , xoay, lấy IOL có hoặc không cắt DK
48	48	Đặt IOL trên mắt cận thị (Phakic)
49	49	Phẫu thuật cố định IOL thì hai + cắt dịch kính
52	52	Cắt chỉ bằng laser
54	54	Ghép giác mạc lớp
56	56	Ghép giác mạc tự thân
57	57	Ghép nội mô giác mạc
58	58	Ghép củng mạc
59	59	Ghép giác mạc nhân tạo
60	60	Ghép vòng căng/ hoặc thấu kính trong nhu mô giác mạc
62	62	Nói thông lệ mũi nội soi
63	63	Phẫu thuật mở rộng điểm lệ
64	64	Phẫu thuật đặt ống Silicon lệ quản – ống lệ mũi
67	67	Phẫu thuật ghép màng sinh học bề mặt nhãn cầu
68	68	Gọt giác mạc đơn thuần
72	72	Lấy dị vật trong củng mạc
73	73	Lấy dị vật tiền phòng
74	74	Lấy dị vật nội nhãn bằng nam châm
77	77	Cố định màng xương tạo củng đồ
78	78	Cố định bao Tenon tạo củng đồ dưới
80	80	Sinh thiết tổ chức mi
81	81	Sinh thiết tổ chức hốc mắt
82	82	Sinh thiết tổ chức kết mạc
84	84	Cắt u mi cả bề dày không ghép
85	85	Cắt u da mi có trượt lông mi, vạt da, hay ghép da
86	86	Cắt u mi cả bề dày ghép sụn kết mạc và chuyển vạt da
87	87	Cắt u mi cả bề dày ghép niêm mạc cứng của vòm miệng và chuyển vạt da
89	89	Cắt u kết mạc, giác mạc có ghép kết mạc, màng ối hoặc giác mạc

90	90	Cắt u tiền phòng
91	91	Cắt u hậu phòng
92	92	Tiêm coctison điều trị u máu
93	93	Điều trị u máu bằng hóa chất
94	94	Áp lạnh điều trị u máu mi, kết mạc, hốc mắt
95	95	Laser điều trị u máu mi, kết mạc, hốc mắt
96	96	Cắt u hốc mắt có hoặc không mở xương hốc mắt
97	97	Nạo vét tổ chức hốc mắt
99	99	Ghép mỡ điều trị lõm mắt
100	100	Đặt sụn sườn vào dưới màng xương điều trị lõm mắt
101	101	Đặt bản Silicon điều trị lõm mắt
102	102	Nâng sàn hốc mắt
103	103	Tạo hình hốc mắt trong tật không nhãn cầu để lắp mắt giả
104	104	Tái tạo cùng đồ
105	105	Cố định tuyến lệ chính điều trị sa tuyến lệ chính
106	106	Đóng lỗ dò đường lệ
107	107	Tạo hình đường lệ có hoặc không tạo hình điểm lệ
110	110	Phẫu thuật lác có chỉnh chỉ
111	111	Cắt chỉ sau phẫu thuật lác
112	112	Cắt chỉ sau phẫu thuật sụp mi
113	113	Chỉnh chỉ sau mổ lác
114	114	Phẫu thuật dính chỗ bám cơ vào dây chằng mi điều trị lác liệt
115	115	Sửa sẹo sau mổ lác
116	116	Cắt chỉ sau phẫu thuật lác, sụp mi
117	117	Điều trị lác bằng thuốc (botox, dysport...)
121	121	Phẫu thuật hạ mi trên (chỉnh chỉ, lùi cơ nâng mi ...)
122	122	Cắt cơ Muller
123	123	Lùi cơ nâng mi

124	124	Vá da tạo hình mi
127	127	Phẫu thuật lấy mỡ dưới da mi (trên, dưới, 2 mi)
128	128	Kéo dài cân cơ nâng mi
129	129	Ghép da hay vạt da điều trị hờ mi do sẹo
130	130	Phẫu thuật làm hẹp khe mi, rút ngắn dây chằng mi ngoài, mi trong điều trị hờ mi do liệt dây VII
131	131	Phẫu thuật cắt cơ Muller có hoặc không cắt cân cơ nâng mi điều trị hờ mi
133	133	Sửa sẹo xấu vùng quanh mi
134	134	Di thực hàng lông mi
136	136	Phẫu thuật mở rộng khe mi
137	137	Phẫu thuật hẹp khe mi
138	138	Lấy da mi sa (mi trên, mi dưới, 2 mi) có hoặc không lấy mỡ dưới da mi
139	139	Điều trị co giật mi, co quắp mi, cau mày, nếp nhăn da mi bằng thuốc (botox, dysport...), laser
140	140	Rút ngắn góc trong mắt (phẫu thuật Y-V có hoặc không rút ngắn dây chằng mi trong)
141	141	Điều trị di lệch góc mắt
145	145	Phẫu thuật cắt mộng mắt chu biên
146	146	Tạo hình mộng mắt (khâu mộng mắt, chân mộng mắt...)
147	147	Cắt bè sử dụng thuốc chống chuyển hóa hoặc chất antiVEGF
148	148	Cắt củng mạc sâu có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa
149	149	Mở góc tiền phòng
150	150	Mở bè có hoặc không cắt bè
152	152	Đặt ống tiền phòng điều trị glôcôm (Đặt shunt mini Express)
153	153	Đặt van dẫn lưu tiền phòng điều trị glôcôm
154	154	Rút van dẫn lưu, ống Silicon tiền phòng
155	155	Sửa vá sẹo bọng bằng kết mạc, màng ôi, củng m ^l c

156	156	Sửa sẹo bong bằng kim (phẫu thuật needling)
157	157	Chọc hút dịch kính, tiền phòng lấy bệnh phẩm
158	158	Tiêm nội nhãn (Kháng sinh, antiVEGF, corticoid...)
159	159	Tiêm nhu mô giác mạc
161	161	Tập nhược thị
163	163	Rửa chất nhân tiền phòng
169	169	Chích dẫn lưu túi lệ
173	173	Ghép da dị loại
179	179	Khâu lại mép mỡ giác mạc, củng mạc
182	182	Điện đông thể mi
186	186	Cắt thị thần kinh
188	188	Phẫu thuật quặm tái phát
189	189	Phẫu thuật quặm bằng ghép niêm mạc môi (Sapejko)
192	192	Cắt chỉ khâu giác mạc
194	194	Tiêm cạnh nhãn cầu
195	195	Tiêm hậu nhãn cầu
196	196	Tiêm nội mô giác mạc
197	197	Bơm thông lệ đạo
198	198	Lấy máu làm huyết thanh
204	204	Cắt chỉ khâu kết mạc
208	208	Thay băng khuẩn
209	209	Tra thuốc nhỏ mắt
213	213	Bóc sợi giác mạc (Viêm GM sợi)
214	214	Bóc giả mạc
215	215	Rạch áp xe mi
216	216	Rạch áp xe túi lệ
217	217	Đặt kính áp tròng điều trị: tật khúc xạ, GM hình chóp, bệnh lí bề mặt GM
219	219	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương
220	220	Soi đáy mắt bằng Schepens

222	222	Theo dõi nhãn áp 3 ngày
223	223	Khám lâm sàng mắt
224	224	Đo thị giác tương phản
225	225	Gây mê để khám
		Ung bướu
226	226	Cắt u hốc mắt bằng đường xuyên sọ
227	227	Cắt ung th da vùng mi mắt trên và tạo hình
		Tạo hình
232	232	Lắp mắt giả trong bộ phận giả tái tạo khuyết hồng hàm mắt
233	233	Phẫu thuật tạo nếp mi
234	234	Phẫu thuật điều trị hờ mi
235	235	Phẫu thuật tạo cùng đồ để lắp mắt giả
236	236	Phẫu thuật tạo hình mi
237	237	Phẫu thuật tạo mí 2 mắt (xẻ đôi mí)
		Chẩn đoán hình ảnh
245	245	Chụp đáy mắt retcam
246	246	Chụp mạch với ICG
247	247	Đo lưu huyết mạch máu đáy mắt bằng dople màu
248	248	Chụp đĩa thị 3D